TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v : *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Phạm Việt Phương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023, về việc Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 09/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1964.
Nơi cư trú: Thôn Ch, xã B, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- *Bị đơn:* - Anh Trịnh Anh L, sinh năm 1962.
Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. (*Chị Đ và anh L đều xin vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đ trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương năm 1999. Trong những năm đầu sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh L thường xuyên chơi bời rượu chè bê tha, thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhân phẩm danh dự của chị, không chăm lo gia đình vợ con. Cuộc sống chung vợ chồng không ngày nào được hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nay chị xác định cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có hai con chung là Trịnh Quang L1, sinh năm 2000 và Trịnh Thanh L2, sinh năm 2002, cả hai con chung đều đã

trưởng thành và tự lập.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, Biên bản lấy lời khai anh L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Đ trình bầy. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh L xác định vợ chồng mâu thuẫn về chỗ ở, cãi nhau, bất hòa, cuộc sống chung không hạnh phúc; lúc làm mệt anh có uống rượu to tiếng trong nhà, chị Đ đã về quê Chí Linh, Hải Dương sinh sống từ năm 2001 đến nay. Tuy nhiên anh còn thương yêu chị Đ nên không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn chị Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Trịnh Quang L1, sinh năm 2000 và Trịnh Thanh L2, sinh năm 2002, cả hai con chung đề đã trưởng thành và tự lập.

Về quan hệ tài sản: Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh L; các con đã trưởng thành, tự lập; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Anh L xin được vắng mặt tại phiên tòa; anh giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của anh.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn anh L. Về con chung: Không phải giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Lưu Thị Đ và anh Trịnh Anh L đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị Đ và anh Trịnh Anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Đ và anh L là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh L thường xuyên chơi bời rượu chè bê tha, thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhân phẩm danh dự chị Đ, không chăm lo gia đình vợ con, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năn nay. Bản thân anh L cũng xác định vợ chồng có cãi nhau, bất hòa, cuộc sống chung không hạnh phúc; lúc làm mệt anh có uống rượu rồi to tiếng trong nhà, chị Đ đã về quê Chí Linh, Hải Dương sinh sống từ năm 2001 đến nay. Anh không muốn ly hôn chị Đ nhưng nếu chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Qua lời khai của cháu Trịnh Quang L1 là con anh L chị Đ: Bố mẹ anh có nhiều mâu thuẫn, bố thường xuyên say rượu rồi gây sự, chửi bới mẹ, gây rối loạn gia đình và làng xóm; cuộc sống gia đình không ngày nào được yên ấm, hạnh phúc; anh em anh đã nhiều lần khuyên, động viên bố nhưng không có kết quả. Qua chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng Đua – Long có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên đánh chửi nhau, anh L là người thường hay say rượu làm mất trật tự trị an xóm làng, bà con làng xóm cũng nhiều lần khuyên bảo, động viên anh L nhưng không có kết quả; chị Đ đã về quê Chí Linh, Hải Dương sinh sống từ nhiều năm nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị Đ và anh L có hai con chung là Trịnh Quang L1, sinh năm 2000 và Trịnh Thanh L2, sinh năm 2002, cả hai con chung đều đã trưởng thành và tự lập nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Chị Đ và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường

vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân & gia đình và không thuộc trường hợp được miễn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Đ được ly hôn anh Trịnh Anh L.

3/ Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh L có hai con chung là Trịnh Quang L1, sinh năm 2000 và Trịnh Thanh L2, sinh năm 2002, cả hai con chung đều đã trưởng thành và tự lập nên không đặt ra việc giải quyết.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2022/000 1729 ngày 25 tháng 9 năm 2023.

6/ Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung